

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp năm 2023

#### Phần I

#### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KINH TẾ-XÃ HỘI NĂM 2022

### I. LĨNH VỰC KINH TẾ

#### 1. Nông nghiệp

##### 1.1. Cây hàng năm

Kết quả gieo trồng đến nay 400/400 ha, đạt 100%% kế hoạch năm.

Sản lượng lương thực 1.130/1.030 tấn, đạt 109,71%

+ Kết quả gieo trồng vụ Đông xuân: 237/267 ha, đạt 88,76% kế hoạch<sup>1</sup>. Sản lượng lương thực đạt 565 tấn<sup>2</sup>.

+ Kết quả gieo trồng vụ Mùa: 163/133 ha, đạt 122,56% kế hoạch<sup>3</sup>. Kết quả thu hoạch vụ mùa: Cây lúa năng suất trung bình ước đạt 56,5 tạ/ha, sản lượng lương thực đạt 565 tấn/ha.

Tình hình thu hoạch vụ Mùa sớm, thời tiết thuận lợi để Nhân dân gieo sạ sớm. Các công trình thủy lợi đang có trữ lượng nước đảm bảo tưới cho diện tích cây trồng trong vùng tưới. Vận động các hộ dùng nước nạo vét kênh mương bị hư hỏng, nhằm đảm bảo trữ nước, dẫn nước và thực hiện kế hoạch xả nước tưới phù hợp để chăm sóc cây trồng.

Hỗ trợ giống lúa cho các hộ tham gia mô hình cánh đồng sản xuất lúa một giống chất lượng cao (khu vực dùng nước Đập Đất Khách, Hồ Hòn Cỏ, Bàu Âu) với 85 hộ, diện tích 13 ha, đã cấp 1.300 kg giống lúa (giống J02: 520kg, HN6: 780 kg). Hỗ trợ giống lúa chất lượng cao, phân lân cho hộ DTTS làng Pốt với 63 hộ, diện tích 11,4 ha, đã cấp 1.140 kg giống lúa DT 100 và 5.700 kg phân lân.

Triển khai công tác lập kế hoạch kinh tế xã hội có sự tham gia cộng đồng: UBND xã thành lập Tổ công tác, tổ chức 2 buổi họp chuyên đề thống nhất các chỉ tiêu KTXH, QPAN năm 2023.

---

<sup>1</sup> Cây lúa: 70ha/70 ha, đạt 100%KH; cây Ngô: 22ha/22ha, đạt 100% KH; cây mì: 30ha/60 ha, đạt 50%KH; cây thực phẩm: 15/15 ha, đạt 100%KH; cây trồng hàng năm khác: 50ha/50 ha, đạt 100%KH; cây ăn quả: 50ha/50ha, đạt 100% KH.

<sup>2</sup> Cây lúa năng suất trung bình ước đạt 6,5 tấn/ha, sản lượng đạt 455 tấn; cây ngô năng suất trung bình ước đạt 5 tấn/ha, sản lượng 110 tấn; cây thực phẩm: cây đậu năng suất trung bình ước đạt 0,9 tấn/ha, sản lượng 4,5 tấn; cây rau năng suất trung bình ước đạt 21,5 tấn/ha, sản lượng 322,5 tấn.

<sup>3</sup> Cây lúa 100/70ha, đạt 142,8%; cây rau 10/10 ha, đạt 100%; cây hàng năm khác 53/53 ha, đạt 100%.

Triển khai cho các thôn, làng thông báo cho Nhân dân các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng đảm bảo theo các văn bản hướng dẫn hàng tháng của Trung tâm dịch vụ nông nghiệp.

## 1.2. Chăn nuôi

Tình hình chăn nuôi trên địa bàn ổn định. Thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn cho Nhân dân các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong chăn nuôi; sử dụng hóa chất, phun tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường chăn nuôi.

Triển khai tháng vệ sinh, khử trùng tiêu độc đợt 1, cấp phát 48 lít Benkocid với diện tích phun 76.800 m<sup>2</sup>; cấp phát 48 lít bencovet cho Nhân dân phun tiêu độc, khử trùng, vệ sinh môi trường chăn nuôi; tiêm phòng 900 liều vắc xin lở mồm long móng cho đàn trâu, bò

Tổng đàn: Đàn trâu 30/24 con, đạt 125%; đàn bò 1.755/1.690, đạt 103,85%; đàn heo 3.210/1.550 con, đạt 228,39%.

## 2. Công tác tài nguyên và môi trường

Tuyên truyền vận động Nhân dân đăng ký thu gom rác thải đạt tỷ lệ 77,36% so với KH (653/844 hộ). Số hộ dân đăng ký sử dụng nước máy tập trung 506/1.217 hộ, tỷ lệ 41,57%.

Công tác Dân vận phối hợp Tiểu đoàn cối 100, Sư đoàn 2 hỗ trợ địa phương trong công tác dân vận: Tổng số 25 chiến sĩ về hỗ trợ cho địa phương trong thời gian 15 ngày<sup>4</sup>

Thực hiện công tác phối hợp, lồng ghép với UBMTTQVN xã tuyên truyền, triển khai cho thôn, làng và Nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng trong mùa khô và thông báo cho Nhân dân có nhu cầu nhận khoán bảo vệ rừng (*Thông báo số 22/TB-UBND ngày 15/4/2022; số 42/TB-UBND ngày 13/7/2022 về việc tiếp tục triển khai đăng ký cho thuê rừng trên địa bàn xã*).

Thực hiện chỉ đạo về việc kiểm tra, rà soát, đề xuất xử lý thu hồi 88,9ha thuộc 234,2ha đất lâm nghiệp của Lâm trường An Khê quản lý, cho phép chuyển mục đích sử dụng giao UBND thị xã quản lý trên địa bàn xã Song An; Ủy ban nhân dân xã đã tham mưu Đảng ủy hợp triển khai, quán triệt cho cả hệ thống chính trị từ xã đến thôn về nhiệm vụ, thông báo đến các hộ lán, chiếm đất nhà nước quản lý tự nguyện giao trả lại đất; thành lập Tổ công tác, xây dựng kế hoạch đi thực địa kiểm tra, rà soát đất 88,9ha, có 117 hộ lán, chiếm, với 188 thửa đất. Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức 5 buổi làm việc với 52 các hộ gia đình, cá nhân liên quan, đến nay có 20 hộ giao trả đất lán chiếm (đất “sạch”), diện tích 8,8ha. Trong thời gian tới tiếp tục làm việc các hộ còn lại và đề xuất xử lý theo quy định đối với các hộ vi phạm, không chấp hành giao trả đất.

Trong tháng 10/2022 khu vực rừng thông cảnh quan gần đường đi làng Pốt bị cháy, chết nhiều cây thông; số cây thông bị cháy: 2.200 cây; diện tích rừng thông bị cháy 11.550 m<sup>2</sup> (1,155 ha). Bước đầu xác định nguyên nhân cháy: do người dân trồng rừng liền kề, sau khai thác cây trồng (cây keo) đốt thực bì làm cháy lan sang rừng thông cảnh

<sup>4</sup> Điểm trường Mẫu giáo Hoa Mai cải tạo vườn hoa, cuộc đất đào bồn, xây đường đi vào vườn hoa, vườn rau, đào hố trồng vườn cây ăn quả, sơn lại cổng trường, đào mương thoát nước...; tại làng Pốt đào 30 hố vệ sinh, 7 hố rác, đổ đường bê tông; điểm trường Tiểu học Trần Phú đào 04 hố rác, cải tạo đất vườn hoa và khuôn viên sân chơi 02 cơ sở (01 và 02).

quan UBND xã chỉ đạo cho Công an xã tham mưu xử lý và báo cáo UBND thị xã theo dõi, chỉ đạo (*Báo cáo số 263/BC-UBND ngày 20/10/2022*)

Thường xuyên thông tin tuyên truyền và tăng cường kiểm tra hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi trên địa bàn để đảm bảo vệ sinh, môi trường trong khu dân cư.

Công tác quản lý tài nguyên, khoáng sản: Tuyên truyền cho các thôn và Nhân dân không khai thác tài nguyên khoáng sản, vận chuyển đất trái phép trên địa bàn (*văn bản số 119/UBND-KT ngày 13/5/2022 của UBND xã về tăng cường công tác quản lý đất đai, khoáng sản, trật tự xây dựng*). Trong năm 2022 xảy ra 02 vụ khai thác khoáng sản trái phép, xử phạt với số tiền 121.500.000 đồng.

**- Về tình hình thiệt hại do cơn bão số 4 (bão Noru):**

+ Tường rào: Trụ sở UBND xã bị sập ngã đổ tường rào, chiều dài khoảng 20 m; Trường tiểu học Trần Phú bị nứt gãy 03 trụ tường rào, chiều dài khoảng 9m.

+ Nhà ở: 01 hộ dân bị tốc mái nhà (đã huy động lực lượng hỗ trợ giúp đỡ, khắc phục).

+ Cây thông: 01 cây thông tại cầu 18 bị ngã gãy.

+ 01 trụ điện tại thôn An Thượng 3 bị bốc cháy (đã liên hệ điện lực An Khê sửa chữa).

**3. Công tác đầu tư xây dựng**

Trên địa bàn có Dự án tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây nguyên (đoạn qua thị xã An Khê) gồm Tuyến đường tránh Quốc lộ 19, chiều dài 2,8km và Tuyến mở rộng đoạn từ đầu là đèo An Khê đến điểm cuối là đầu nối tuyến đường tránh (3,74km) do Ban quản lý dự án 2, thuộc Bộ Giao thông Vận tải làm chủ đầu tư; Dự án Đường vào Trung tâm huấn luyện Ban Chỉ huy quân sự thị xã An Khê, chiều dài 2.172m, hạng mục: Nền, mặt đường và hệ thống thoát nước do Ban quản lý đầu tư xây dựng thị xã làm chủ đầu tư.

Các công trình trên địa bàn do Ủy ban nhân dân là chủ đầu tư đã thi công hoàn thành đưa vào sử dụng gồm: Công trình Kênh mương Suối Tôm; Công trình Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Song An; Đường nhà ông Nguyễn Văn Dệ đi khu sản xuất; Đường từ nhà ông Huỳnh Văn Xuân đi nhà bà Dương Thị Hồng; Đường BTXM thôn An Thượng 3 (đoạn sau UBND xã nối đường thôn An Thượng 3); Cảnh quan môi trường khu vực nhà văn hóa xã; công trình nhà văn hóa xã, hạng mục: cổng, hàng rào. Các công trình đang thi công hoàn thiện: công trình trường Tiểu học Trần Phú (cơ sở 2); cảnh quan đồi thông cầu 18 An Thượng 3; Công trình Đập Bụng; Đường Đình Ghib đi khu quy hoạch giáp đường bê tông xi măng; Đường từ nhà rông cũ đi đến khu quy hoạch dân cư mới; hệ thống nước tập trung làng Pốt.

Thường xuyên nắm bắt, kiểm tra về hoạt động xây dựng nhà ở nông thôn, trong năm 2022 trên địa bàn xã có 22 nhà ở riêng lẻ thông báo khởi công xây dựng mới, diện tích 1.540 m<sup>2</sup>

**4. Thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới**

Căn cứ Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về ban hành bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, UBND xã đã rà soát các tiêu chí, chỉ tiêu xã nông thôn mới nâng cao như sau:

Đạt 12/19 tiêu chí; chưa đạt 07/19 tiêu chí (tiêu chí số 5, 6, 8, 13, 14, 16, 17)<sup>5</sup>.

\* Đối với làng nông thôn mới:

Thực hiện theo Quyết định số 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận làng đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2022.

**<sup>5</sup> - Tiêu chí số 5: Giáo dục**

Chỉ tiêu số 5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2, đạt 100%. Chưa đạt, do trên địa bàn có 03 trường đạt chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, chưa có trường đạt chuẩn mức độ 2.

Chỉ tiêu số 5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền. Chưa đạt, do trên địa bàn chưa có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền.

**- Tiêu chí số 6: Văn hóa**

Chỉ tiêu số 6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên, đạt. Chưa đạt, trên địa bàn các điểm công cộng chưa có lắp đặt dụng cụ TDTT, hoạt động văn hóa văn nghệ chưa được tổ chức thường xuyên.

**- Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông**

Chỉ tiêu số 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân, chưa đạt.

**- Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn**

Chỉ tiêu số 13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định,  $\geq 1$ . Chưa đạt.

Chỉ tiêu số 13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn,  $\geq 1$ . Chưa đạt.

Chỉ tiêu số 13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã,  $\geq 1$ . Chưa đạt.

Chỉ tiêu số 13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử,  $\geq 10\%$ . Chưa đạt.

Chỉ tiêu số 13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng, đạt. Chưa đạt.

**- Tiêu chí số 14: Y tế**

Chỉ tiêu số 14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), đạt  $\geq 90\%$ . Chưa đạt, do chưa có hệ thống trang thiết bị triển khai cập nhật, thực hiện.

Chỉ tiêu số 14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ), đạt  $\geq 40\%$ . Chưa đạt, do chưa có hệ thống trang thiết bị triển khai cập nhật, thực hiện.

Chỉ tiêu số 14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử, đạt  $\geq 70\%$ . Chưa đạt, do chưa có hệ thống trang thiết bị triển khai cập nhật, thực hiện.

**- Tiêu chí số 16: Tiếp cận pháp luật**

Chỉ tiêu số 16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành, đạt  $\geq 90\%$ . Chưa đạt, do hiện tỷ lệ hòa giải thành trên địa bàn đạt 60%.

**- Tiêu chí số 17: Môi trường**

Chỉ tiêu số 17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng, đạt  $\geq 5\%$ . Chưa đạt, do chưa thực hiện (trừ bệnh nhân covid 19).

Chỉ tiêu số 17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn, đạt  $>4m^2$ /người. Chưa đạt, do cây xanh tại các điểm công cộng, điểm dân cư chưa đảm bảo.

Phối hợp với lực lượng bộ đội trong công tác dân vận, đào hố và vận động kinh phí xây 20 nhà vệ sinh cho đồng bào làng Pốt, đến nay tổng 58/82 hộ đồng bào làng pốt đã có nhà tiêu hợp vệ sinh, đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm >70% hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh.

Ủy ban nhân dân xã xây dựng dự án khuyến nông, Dự án: Mô hình nuôi Dúi cho 15 hộ đồng bào dân tộc thiểu số làng Pốt, mục đích chuyển đổi nhận thức cho người chăn nuôi, đặc biệt là người dân tộc thiểu số tại làng Pốt, góp phần chuyển đổi cơ cấu giống vật nuôi trên địa bàn xã. Dự án được UBND thị xã An Khê phê duyệt tại Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 23/6/2022, UBND xã phối hợp với Hội nông dân xã, cùng các cơ quan có liên quan của thị xã theo dõi, hướng dẫn kỹ thuật và giao Chủ nhiệm Dự án theo dõi, giám sát thực hiện các khâu kỹ thuật áp dụng của các hộ nông dân tham gia mô hình. Tuy nhiên, theo đánh giá đến thời điểm do kỹ thuật chăn nuôi không tốt, tập quán của người đồng bào chưa chú trọng chăm sóc nên khả năng không đảm bảo hiệu quả để nhân rộng.

## **5. Thu, chi ngân sách**

Tổng thu ngân sách cấp xã thực hiện 9.508/5.278 triệu đồng, đạt 180,14% kế hoạch.

Tổng chi ngân sách: 9.508/5.278 triệu đồng, đạt 180,14% kế hoạch.

Công tác triển khai thu các loại quỹ trên địa bàn: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ người nghèo, quỹ người cao tuổi, quỹ phòng chống thiên tai, đạt 100% kế hoạch.

Công tác vận động xây dựng cơ bản trên địa bàn: 04 công trình thực hiện vận động: 03 công trình thực hiện vận động xong đợt 01 với tổng số tiền vận động 71.608.000/146.565.000 đồng, đang triển khai thực hiện vận động đợt 02 theo đúng phương án vận động; 01 công trình tiếp tục triển khai thực hiện trong thời gian tới.

## **II. VĂN HOÁ XÃ HỘI**

### **1. Giáo dục**

Công tác dạy và học ở các trường thực hiện đảm bảo theo quy định theo kế hoạch giảng dạy đầu năm học. Triển khai các biện pháp, quy định về phòng chống dịch Covid-19, dọn vệ sinh và sát khuẩn trường, lớp.

Năm học 2021-2022: tổng số học sinh 776 (*mẫu giáo 111 em, tiểu học 436 em tăng 13 em so với đầu năm, trung học cơ sở 299*).

Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học ở cấp học tiểu học đạt 98,6%; chưa hoàn thành 06 em, chiếm tỷ lệ 1,4%; tỉ lệ học sinh hoàn thành Chương trình lớp 5 đạt 100%.

Học sinh trung học cơ sở học lực giỏi 36 em tỉ lệ 12%, khá 147, tỉ lệ 49,2%; tỉ lệ học sinh trung bình 36,5%; học lực yếu 07, tỉ lệ 2,3% phải kiểm tra lại 01 em; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS 73/73 em, đạt 100%; học sinh bỏ học 07 em, chiếm tỷ lệ 2,2% (*tăng so với năm học trước 02 em*); học sinh giỏi cấp thị xã 04 em, cấp tỉnh 01.

Các trường học trên địa bàn tiếp tục công tác vệ sinh, bảo vệ cơ sở vật chất trong dịp nghỉ hè và chuẩn bị công tác tu sửa cơ sở vật chất trường học cho năm học mới. Năm học 2022-2023: Tổng số học sinh đầu năm 863 em (*trung học cơ sở 299, tiểu học 443 em, mẫu giáo 121*).

Trung tâm học cộng đồng: Công tác xây dựng xã hội học tập đã tạo điều kiện để mọi người, mọi lứa tuổi được học tập thường xuyên, liên tục, học tập suốt đời; huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia xây dựng và phát triển giáo dục coi đây là trách nhiệm, nghĩa vụ trong việc học tập và tham gia tích cực xây dựng xã hội học tập. Xã Song An được công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

## **2. Y tế - Dân số và kế hoạch hóa gia đình**

Công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân được chú trọng, đặc biệt là khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, người già và các đối tượng có thể BHYT. Tổng số lượt khám chữa bệnh 1.739 lượt. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về cân nặng 55/450 trẻ, chiếm 12,22%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng về chiều cao 77/450, chiếm 17/33%.

## **3. Công tác phòng, chống dịch Covid-19**

Ban hành, sao gửi các văn bản tuyên truyền, thông tin và chỉ đạo của các cấp về công tác phòng, chống dịch Covid-19 đến các cơ quan, đơn vị, thôn, làng trên địa bàn<sup>6</sup>.

Tiếp tục tập trung nắm chắc và theo dõi chặt chẽ tình hình, diễn biến dịch bệnh, chủ động, tích cực phòng, chống dịch Covid-19; không để dịch bệnh bùng phát trở lại, đảm bảo an toàn để phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh. Tiếp tục vận động, tuyên truyền người dân nâng cao nhận thức trong phòng, chống dịch Covid-19; tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia tiêm phòng vắc xin Covid-19 theo Kế hoạch, khẳng định trụ cột phòng, chống dịch đó là tiêm vắc xin.

Độ tuổi 18 tuổi trở lên: mũi 1: 3.346/3.296 người, mũi 2: 3.353/3.296 người, mũi 3: 3.014/3.296. Độ tuổi từ 12 đến dưới 18 tuổi: mũi 1: 341, mũi 2: 337; mũi 3: 178.

## **4. Văn hóa - Thông tin**

Tình hình phức tạp của dịch bệnh Covid-19, các hoạt động văn hóa, tổ chức các lễ hội truyền thống và các hoạt động vui chơi trong dịp Tết nguyên đán Nhâm Dần không tổ chức theo văn bản chỉ đạo của UBND thị xã. Công tác thông tin tuyên truyền mừng Đảng mừng xuân thực hiện tốt trên các thôn, làng: treo cờ Tổ quốc, treo băng rôn mừng Đảng mừng xuân; dọn dẹp vệ sinh đường làng ngõ xóm xanh, sạch đẹp đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022.

Tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các kế hoạch cấp trên và các văn bản kế hoạch của địa phương; tuyên truyền các ngày lễ: 47 năm giải phóng hoàn toàn miền nam thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2022); tuyên truyền kỷ niệm 136 năm ngày Quốc tế lao động (1/5/1886 – 1/5/2022); Ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5/2022; tuyên truyền 90 năm ngày thành lập tỉnh Gia Lai (24/5/1932 – 24/5/2022); 17 năm ngày Hội Quốc phòng toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc (19/8/2005 -19/8/2022); tuyên truyền 77 năm ngày Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945-19/8/2022) và Quốc khánh nước CHXHCNVN (02/9/1945-02/9/2022); thông

---

<sup>6</sup>Công văn số 19/UBND-VP ngày 21/01/2022 về tăng cường các biện pháp đón Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022; Công văn số 42/UBND-VP ngày 18/02/2022 về việc triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19; Công văn số 46/UBND-VP ngày 22/02/2022 về việc triển khai các biện pháp quản lý F0 ...

tin, tuyên truyền Lễ đoán nhận Quyết định công bố thị xã An Khê hoàn thành Nông thôn mới 2020; triển khai các văn bản và công tác tuyển sinh năm học 2022-2023.

Tổng số băng rôn tuyên truyền: 42 băng rôn, pano 03: tuyên truyền các ngày lễ, kỷ niệm, các ngày truyền thống, ngày thành lập; tuyên truyền nhiều văn bản trên các trang Thông tin điện tử của xã, facebook; số giờ phát sóng phát thanh 660 giờ.

Tham gia Đại hội thể dục thể thao thị xã An Khê lần thứ IX các môn: Võ cổ truyền, võ vovinam, cầu lông, bóng bàn, bóng đá, cờ tướng, bắn nỏ. Kết quả đến thời điểm hiện tại: 01 huy chương đồng môn cờ tướng; 01 huy chương đồng môn võ cổ truyền; 02 huy chương vàng, 02 bạc 03 đồng môn vovinam; huy chương đồng môn bóng đá; cờ tướng 01 huy chương bạc, 02 huy chương đồng.

Triển khai, bình xét gia đình văn hóa, thôn văn hóa tại thôn làng có 1.074/1.294 hộ, tỷ lệ 83%.

### **5. An toàn thực phẩm**

Triển khai các kế hoạch ATTP Tết Nguyên đán, tháng hành động ATTP: tuyên truyền trên loa đài, tuyên truyền bằng khẩu hiệu, băng rôn 02 đợt 14 tấm băng rôn; kiểm tra ATTP Tết Nguyên đán 09 cơ sở, tuyên truyền tại các chợ. Qua kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh hàng hóa, thực phẩm, cơ sở giết mổ trên địa bàn đảm bảo, chưa có trường hợp mất vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất kinh doanh.

### **6. Lao động – Thương binh và xã hội**

Tổng kinh phí của các tổ chức, cá nhân thăm tặng quà cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, đối tượng bảo trợ xã hội trong dịp Tết Nguyên đán với tổng số tiền 196 triệu đồng.

Thực hiện chế độ chính sách: Lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ cách ly y tế tại nhà cho các công dân thuộc đối tượng F1 theo Quyết định 23/QĐ-TTg, 33/2021/QĐ-TTg là 160 người. Lập danh sách đề nghị hỗ trợ mai táng phí 01 trường hợp do hỏa hoạn số tiền 18 triệu đồng. Đơn vị Tiểu đoàn 14 sư đoàn bộ binh 2; Ban chỉ huy quân sự thị xã An Khê; Ủy ban MTTQVN xã đã hỗ trợ giống vật nuôi, cho 03 hộ nghèo với tổng kinh phí 37 triệu đồng. Sư đoàn bộ binh 2 hỗ trợ cho 01 hội viên Cựu chiến binh thuộc hộ nghèo xây mới 01 căn nhà với kinh phí 80 triệu đồng. Chi trả tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội quý I, II/2022: 17,16 triệu đồng. Phối hợp với Bưu điện xã, giám sát việc chi trả chế độ chính sách người có công, bảo trợ xã hội đảm bảo theo quy định.

Tổ chức mừng thọ cho quý cụ cao niên năm 2022 (độ tuổi: 70, 75, 80, 85, 90, 95): 42 cụ, tổng kinh phí 22,320 triệu đồng.

Dân số hiện nay 1.294 hộ, 4.416 khẩu, trong đó: làng Pốt 81 hộ DTTS, 359 khẩu. Tổng số hộ nghèo 44 hộ, chiếm 3,4% và 50 hộ cận nghèo chiếm 3,86%. Trong đó, số hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn xã là 09 hộ, chiếm 20,45%, hộ cận nghèo 10 hộ chiếm 20,00% so với tổng số hộ nghèo, cận nghèo trên địa bàn xã. Cấp 100 thẻ BHYT cho hộ nghèo và 135 thẻ BHYT cho hộ cận nghèo.

Kết quả điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, cuối năm 2022: Hộ nghèo 35/1.294 hộ, tỷ lệ 2,70. Cận nghèo 45/1.294 hộ, tỷ lệ 3,48%.

Tỷ lệ người dân tham gia BHYT đạt 98,05% (4.330/4.416 người)

Thực hiện công văn số 739/UBND-KT ngày 13/5/2022 của Ủy ban nhân dân thị xã An Khê về việc tổ chức thực hiện các giải pháp phòng, chống tình trạng đuối nước ở

trẻ em. UBND xã triển khai cho các Trưởng thôn, làng soát những vị trí, khu vực trên địa bàn có nguy cơ cao xảy ra đuối nước ở trẻ em như: sông, suối, ao, hồ, hố đào chứa nước tưới sản xuất nông nghiệp...; đề xuất cắm biển cảnh báo, làm rào chắn. Kiểm tra, đề nghị các chủ ao, bầu, đập, các hộ gia đình có hố đào chứa nước tưới sản xuất nông nghiệp... phải cam kết với UBND xã thực hiện cắm biển cảnh báo, rào chắn và các biện pháp ngăn chặn trẻ em đến tắm; không để xảy ra đuối nước ở hồ đập, hố đào... do tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm nếu không có các biện pháp cảnh báo, ngăn chặn.

Xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022) với tổng kinh phí 20 triệu đồng.

Lập danh sách GĐCS nhận quà của Chủ tịch nước, quà của Ủy ban nhân dân thị xã nhân kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2022): 40 người, kinh phí: 24 triệu đồng.

Rà soát bổ sung và chuẩn hóa dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội : 173 đối tượng.

Phối hợp công ty TNHH MTV Kim Hoa Thịnh tặng 44 suất quà cho hộ nghèo, với tổng kinh phí: 15,1 triệu đồng. Phối hợp Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã triển khai mô hình nuôi heo sọc dưa tại làng pốt, với tổng kinh phí 50 triệu đồng; Hỗ trợ giống vật nuôi cho hộ nghèo (03 hộ), kinh phí 30 triệu đồng. Phối hợp phòng Kinh tế tổ chức tập huấn kỹ thuật trồng lúa nước tại làng Pốt: 50 người và 01 lớp tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi với 30 người.

Xây dựng Kế hoạch số 47/KH-UBND, ngày 05 tháng 9 năm 2022 tổ chức hoạt động Tết Trung thu năm 2022 trên địa bàn xã Song An. Tổ chức Đêm Hội trăng rằm năm 2022 (quy mô cấp xã) tại làng Pốt. Tổng kinh phí: 47,15 triệu đồng, trong đó ngân sách xã 02 triệu đồng.

### **III. CÔNG TÁC NỘI CHÍNH**

#### **1. Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội**

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn ổn định, tổ chức tuần tra, kiểm tra trên địa bàn theo kế hoạch.

Về trật tự ATXH: Xảy ra 16 vụ như sau:

+ Về phạm pháp hình sự: 02 vụ (cố ý gây thương tích, đánh bạc), chuyển hồ sơ Công an thị xã đang thụ lý giải quyết.

+ Xử lý hành chính: Về TTXH 04 vụ, đã xử phạt 03 vụ với số tiền 21,5 triệu đồng; còn 01 vụ đang xử lý. Về lĩnh vực TTATGT 29 trường hợp, đã xử phạt 29 trường hợp với số tiền 27,900 triệu đồng. Về cư trú 01 trường hợp, đã xử phạt số tiền 750.000 đồng.

+ 01 vụ cháy nhà, 01 người thiệt mạng.

+ 01 vụ tai nạn chết 01 người

+ 01 vụ đánh nhau, hiện đang thụ lý giải quyết.

Tổ chức tuyên truyền, phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, 7 lượt với hơn 2000 người tham gia. Tổ chức diễn đàn công an xã lắng nghe ý kiến Nhân dân (ngày 21/10/2022) khoảng 50 người tham dự.

Thành lập Ban Chỉ đạo, Tổ công tác và Kế hoạch tuyên truyền thực hiện Đề án phát triển, ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số



quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn xã Song An. Ban chỉ đạo tổ chức Hội nghị tuyên truyền Đề án 06 cho các thành viên BCD cấp xã và thôn, làng hiểu được mục đích, yêu cầu nội dung Đề án 06.

Tiến hành rà soát các cơ sở thuộc diện quản lý của UBND xã về phòng cháy, chữa cháy có 56 cơ sở.

Thực hiện rà soát phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (theo văn bản số 1121/KH-CATX-GT ngày 22/7/2022 của Công an thị xã), đến nay có 990 hộ, 2.459 xe mô tô, 64 xe ô tô đã được kê khai.

Phối hợp Công an thị xã tổ chức 8 đợt làm CCCD, khoảng 540 người.

## **2. Công tác quân sự địa phương**

Xây dựng kế hoạch tuần tra, trực gác đảm bảo giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong các dịp lễ, tết, các sự kiện và nhiệm vụ của địa phương với 286 lượt đồng chí tham gia (07 đợt cao điểm và 02 đợt nhiệm vụ của địa phương).

Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân mới năm 2022 đạt chỉ tiêu được giao (kết nạp mới 24 đồng chí, công nhận hoàn thành nghĩa vụ 24 đồng chí).

Tổ chức Huấn luyện dân quân năm 2022 được 91/91 đồng chí: Dân quân năm thứ nhất 24 đồng chí, dân quân cơ động 21 đồng chí, dân quân tại chỗ 06 đồng chí, dân quân SMPK 12,7mm 31 đồng chí, dân quân binh chủng khác 09 đồng chí.

Tham gia công tác chuẩn bị diễn tập thị xã, quân số tham gia 20 lượt đồng chí. Tham gia huấn luyện, và phục vụ diễn tập từ ngày 03 đến ngày 17/7/2022 quân số 34 đồng chí (b 12,7 mm 31 đồng chí và Chỉ huy trưởng, trung đội trưởng, tiểu đội trưởng cơ động).

Tham gia hội thao trung đội Dân quân cơ động, hội thi cán bộ giảng dạy chính trị giỏi theo đúng kế hoạch.

Tổ chức đón quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại ngũ trở về địa phương năm 2022 là 07 quân nhân.

Nhận và phát lệnh công dân nhập ngũ năm 2022. Tổ chức gặp mặt, tặng quà, động viên công dân lên đường nhập ngũ, giao quân 11 công dân.

Thực hiện công tác giáo dục quốc phòng – an ninh theo kế hoạch, đã tham gia 04 lớp với 07 đối tượng 4 và 02 đối tượng 3.

Rà soát danh sách tuổi 17 năm 2022, xây dựng kế hoạch và tiến hành đăng ký nghĩa vụ quân sự được 45/45 công dân, đạt 100% kế hoạch.

Thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ năm 2023 theo quy trình (rà soát thực lực, họp xét duyệt, tổ chức sơ tuyển, nhận và phát lệnh gọi khám tuyển).

## **3. Công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư**

Công tác tiếp công dân luôn được UBND xã quan tâm, thực hiện việc tiếp công dân thường xuyên và định kỳ đảm bảo theo quy định tại Luật tiếp công dân năm 2013. Số lượt tiếp công dân: 0 lượt.

Tổng số đơn thư tiếp nhận từ đầu năm 2022 đến nay: 07 đơn đã giải quyết 07 đơn<sup>7</sup>.

**\* Công tác hòa giải ở thôn, làng:**

Trên địa bàn xã có 06 tổ hòa giải, mỗi tổ hòa giải có từ 5 – 6 hòa giải viên (tổng số hòa giải viên hiện có 35). Các hòa giải viên đã làm tốt công tác hòa giải, tuyên truyền vận động nhân dân chấp hành tốt các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và của địa phương.

Các tổ hòa giải tiếp nhận 19 vụ (lĩnh vực tranh chấp dân sự và tranh chấp đất đai), trong đó: hòa giải thành 12 vụ; 07 vụ hòa giải không thành. Các vụ hòa giải được UBND xã thanh toán chế độ thù lao cho hòa giải viên theo đúng quy định.

**\* Công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật**

Triển khai Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 11/01/2022 của UBND xã về triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn xã Song An năm 2022 và trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các cơ quan cấp trên; trong năm 2022, UBND xã đã phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam xã, các đoàn thể xã, chỉ đạo đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, các thôn, làng trên địa bàn, lồng ghép trong các hội nghị để phổ biến các nội dung của các văn bản pháp luật như: Luật Đất đai 2013, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Hộ tịch và các văn bản hướng dẫn, Nghị định 23/2015/NĐ-CP quy định về chứng thực, luật Hôn nhân và gia đình, pháp lệnh 34/2007/PL-UBTVQH11 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn, luật Tiếp công dân, luật Khiếu nại, luật Tố cáo, Công ước quốc tế về các quyền về dân sự, chính trị và pháp luật Việt Nam về quyền dân sự, chính trị của công dân, các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng và các văn bản triển khai

---

<sup>7</sup> + đơn kiến nghị của 05 hộ dân ở thôn Thượng An 3 về hoạt động của quạt điện gió gây ảnh hưởng đến sức khỏe và hoa màu. Kết quả giải quyết xong, UBND xã làm văn bản trả lời cho công dân theo công văn số 06/UBND-KT ngày 10/01/2022 và Báo cáo UBND thị xã An Khê, văn bản số 07/BC-UBND ngày 10/01/2022 để biết, chỉ đạo.

+ đơn kiến nghị của ông Nguyễn Văn Kỳ, thôn Thượng An 3 về xác định ranh giới thửa đất để cấp GCN QSDĐ lần đầu. Kết quả giải quyết xong, UBND xã có báo cáo số 27/BC-UBND ngày 16/02/2022.

+ đơn kiến nghị của ông Đinh Công Lâm, thôn An Thượng 3 về việc giao đất rừng sản xuất. Kết quả giải quyết: UBND xã đã trả lời cho công dân theo công văn số 115/UBND-NC ngày 11/5/2022 và báo cáo số 107/BC-UBND ngày 11/5/2022 về UBND thị xã theo dõi, chỉ đạo.

+ đơn kiến nghị của ông Võ Văn Tấn, thôn An Thượng 3 về việc giao đất rừng sản xuất. Kết quả giải quyết: UBND xã có báo cáo số 130/BC-UBND ngày 27/5/2022.

+ đơn kiến nghị của ông Huỳnh Tấn Hải, thôn An Thượng 3 về việc giải quyết việc ông Hồ Văn Nhớ thôn An Thượng 3 làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên diện tích đất trồng cây lâu năm (khoảng 0,5 ha) của ông Huỳnh Tấn Hải.

+ đơn kiến nghị lỗi đi của ông Nguyễn Văn Quang ở thôn An Thượng 2. UBND xã làm văn bản trả lời cho công dân số 176/UBND-NC ngày 03/8/2022 và Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 03/8/2022 báo cáo UBND thị xã An Khê.

+ đơn kiến nghị của ông Nguyễn Bá Lĩnh thôn An Thượng 2 về việc cấp GCN QSD đất. UBND xã có văn bản trả lời và hướng dẫn cho công dân số 206/UBND-KT ngày 12/9/2022

thực hiện của xã trong năm 2022 với số lượng 20 cuộc tuyên truyền, có 1.220 lượt cán bộ, công chức và Nhân dân tham dự.

Tổ chức tuyên truyền bằng băng rôn, khẩu hiệu phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước nhằm nâng cao ý thức, tinh thần yêu quê hương đất nước của người dân.

Cấp phát tài liệu tuyên truyền pháp luật đến các ban, ngành đoàn thể và các thôn, làng với số lượng 750 tài liệu các loại để phổ biến đến hội viên và nhân dân trên địa bàn xã.

UBND xã đã ra quyết định công nhận 37 người là tuyên truyền viên pháp luật xã Song An, trong đó có 07 người là dân tộc Bahnar (Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND xã).

#### **4. Công tác thống kê**

Kết quả giải quyết TTHC, tổng số hồ sơ tiếp nhận 1.818 hồ sơ, trong đó: Lĩnh vực hộ tịch 828 hồ sơ, chứng thực 928 hồ sơ, lĩnh vực bảo trợ xã hội 53 hồ sơ, thi đua khen thưởng 9. Kết quả giải quyết 1.818/1.818 hồ sơ, không có hồ sơ trễ hẹn.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: UBND đã triển khai cho CBCC, bộ phận một cửa, Tổ công nghệ số cộng đồng thực hiện Dịch vụ công trực tuyến (*Công văn số 91/UBND-KT ngày 7/4/2022, Công văn số 246/UBND-VP ngày 28/9/2022, Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 19/10/2022*). Trong quá trình thực hiện có sự phối hợp các tổ chức đoàn thể xã (Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ) nên số lượng hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3,4 tăng lên, mang lại hiệu quả hơn, số hồ sơ trực tuyến đã thực hiện được 78 hồ sơ.

UBND xã ban hành 12 quyết định xếp phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách cấp xã, người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, làng. Trong năm có 06 CBCC được nâng bậc lương thường xuyên theo quy định.

Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP: Tổng số công chức hiện có 08; tiếp nhận 01 công chức Tài chính – kế toán đến công tác tại xã Song An từ ngày 28/02/2022. Chuyển đi 01 công chức Tài chính – Kế toán.

Tổ chức bầu cử Trưởng thôn, làng nhiệm kỳ 2022-2025. Kết quả có 6 trưởng thôn, làng trúng cử đảm bảo theo quy định. Số lượng Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn có 4/6 thôn, làng, chiếm tỷ lệ 66,67%.

Triển khai công tác đánh giá xếp loại cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách xã, thôn và chính quyền cơ sở năm 2022. Kết quả xếp loại như sau:

+ Công chức: Hoàn thành tốt nhiệm vụ 9; người hoạt động không chuyên trách xã: Hoàn thành tốt nhiệm vụ 11; người hoạt động không chuyên trách thôn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2, hoàn thành tốt nhiệm vụ 9; còn lại 07 người có thời gian giữ chức danh dưới 6 tháng nên không xếp loại.

+ Tập thể thôn, làng: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 02, hoàn thành tốt nhiệm vụ 04. Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 18, hoàn thành tốt nhiệm vụ 14.

Công tác thi đua khen thưởng: Trong năm Chủ tịch UBND xã đã tặng danh hiệu LĐTT cho 14 cá nhân, tặng giấy khen cho 134 cá nhân, 30 tập thể có thành tích trong các phong trào thi đua và hoàn thành kế hoạch nhà nước.

#### **5. Công tác dân tộc tôn giáo**

Thường xuyên nắm bắt tình hình hoạt động của các tôn giáo trên địa bàn, công tác phòng chống dịch Covid-19 tại các cơ sở tôn giáo đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Y tế và các cấp, các ngành liên quan, thực hiện đầy đủ thông điệp “5K”.

Trong thời gian tuần lễ Phật đản diễn ra từ ngày 08/5 đến ngày 15/5/2022 (ngày 08/4 đến ngày 15/4 âm lịch) các hoạt động của Chùa Quan Âm và Tịnh xá Ngọc An diễn ra bình thường, đảm bảo an ninh trật tự và công tác phòng, chống dịch Covid-19 của Bộ Y tế và địa phương.

Lãnh đạo Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQVN xã đã tổ chức thăm, tặng quà 02 cơ sở Chùa Quan Âm và Tịnh xá Ngọc An.

Nhân Đại lễ Phật Đản Chùa Quan Âm tổ chức phát 120 phần quà cho các hộ khó khăn trên địa bàn xã và 80 hộ đồng bào DTTS tại làng Pốt. Trị giá mỗi suất quà 400.000 đồng.

Nhân dịp lễ vu lan, các đơn vị, nhà tài trợ tặng quà cho hộ nghèo, cận nghèo: Cao đài chơn lý Song An: 56 suất, tổng kinh phí 16,8 triệu đồng; Chùa quan Âm: 150 suất, tổng kinh phí 75 triệu đồng; cá nhân chị Hoa, Vân: 06 suất, tổng kinh phí 3 triệu đồng.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân thị xã, chỉ đạo của Đảng ủy cùng với nỗ lực của cán bộ, công chức, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các chương trình, kế hoạch và các giải pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trong năm, khắc phục những khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu trọng tâm theo Nghị quyết HĐND xã như: Diện tích gieo trồng đạt 100%, thu ngân sách đạt > 100% kế hoạch công tác giao quân đạt chỉ tiêu trên giao 100%, lập hồ sơ đề nghị công nhận Làng (Làng Pốt) nông thôn mới, tỷ lệ hộ nghèo cuối năm đạt 2,7%.

Tình hình ANCT giữ vững ổn định; công tác tuyên truyền được triển khai kịp thời đến với Nhân dân bằng nhiều hình thức; công tác an sinh xã hội được quan tâm nhiều đảm bảo đời sống cho Nhân dân.

Thực hiện mô hình Bí thư kiêm Trưởng thôn theo Chỉ thị 05-CT/TU của Tỉnh ủy Gia Lai. Số lượng Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn có 4/6 thôn, làng, chiếm tỷ lệ 66,67%.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế một số chỉ tiêu chưa đạt so với Nghị quyết HĐND xã (Số 19/NQ-HĐND ngày 29/12/2021) như sau:

Tình trạng học sinh bỏ học năm học 2021-2022: Có 07 em học sinh trung học cơ sở bỏ học, chiếm tỷ lệ 2,3% (7/299 học sinh).

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi chiếm 17,33% (theo NQ HĐND 17%).

Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa đạt 83% (theo NQ HĐND 85%).

Tỷ lệ học sinh Trung học cơ sở lên lớp đạt 97,7 (theo NQ HĐND 98%).

Đơn thư gửi vượt cấp nhiều (06 đơn kiến nghị của công dân do UBND thị xã chuyển đến xã).

Về lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản: Đối với vốn huy động trong Nhân dân về các công trình nợ đọng trước đây rất khó thu, thậm chí không thu được.

Xây dựng Nông thôn mới: Thực hiện theo Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai, trong đó có nhiều tiêu chí nâng cao chưa có văn bản quy định cụ thể, phải chờ văn bản cấp trên hướng dẫn khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

Công tác giải quyết đất lấn, chiếm 88,9ha đất rừng thông sau khai thác chưa triệt để, kéo dài, thời gian đến UBND xã lập hồ sơ đề nghị xử lý theo quy định.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NĂM 2023**

#### **1. Lĩnh vực kinh tế**

Tiếp tục triển khai duy trì và nâng cao phát đầu hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

Chú trọng việc phát triển sản xuất gắn với ứng dụng khoa học công nghệ. Xác định sản phẩm chủ lực, liên kết trong tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Quản lý, sử dụng tốt các công trình thủy lợi để phát huy năng lực tưới đảm bảo nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, đồng thời chú trọng công tác duy tu, sửa chữa, đảm bảo an toàn công trình trong mùa mưa lũ.

Tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm; thực hiện tốt công tác tiêm phòng không để dịch bệnh xảy ra trên địa bàn; tăng cường kiểm tra, ngăn chặn tình trạng ô nhiễm môi trường.

Tiếp tục xử lý các trường hợp lấn, chiếm 88,9ha đất rừng thông sau khai thác.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, khai thác mọi nguồn thu, vận động nhân dân tích cực thực hiện các khoản đóng góp của nhân dân. Chi ngân sách tiết kiệm, chống lãng phí. Huy động đóng góp của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn để đầu tư, xây dựng hạ tầng cơ sở.

#### **2. Lĩnh vực văn hóa xã hội**

Chỉ đạo các Trường học trên địa bàn tập trung công tác nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý; đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, ngăn chặn tệ nạn xã hội xâm nhập học đường.

Tiếp tục vận động, tuyên truyền người dân nâng cao nhận thức trong phòng, chống dịch Covid-19; chủ động xây dựng Phương án phòng, chống dịch ứng phó linh hoạt trong tình hình mới.

Chỉ đạo các thôn đẩy nhanh, hoàn thiện việc đăng ký xây dựng thôn, làng văn hóa, gia đình văn hóa; bình xét hộ nghèo, cận nghèo trong năm. Tổ chức tuyên truyền và kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp tết trung thu.

Đảm bảo công tác khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

#### **3. Lĩnh vực nội chính**

Xây dựng kế hoạch kiểm tra đảm bảo giữ vững an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội, đẩy lùi tai nạn giao thông; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh học đường.

Xây dựng kế hoạch trực và tổ chức tuần tra, trực gác nhân các ngày lễ và khi có kế hoạch của cấp trên, tiếp tục thực hiện kế hoạch công tác quốc phòng quân sự địa phương năm 2023.

Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính theo cơ chế một cửa. Chấp hành tốt kỷ cương, kỷ luật trong cơ quan, đảm bảo công tác tiếp dân định kỳ, tiếp nhận, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo đúng quy định.

Thực hiện tốt chính sách tôn giáo, dân tộc, chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước.

Trên đây là tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng-an ninh năm 2023./.

*(Có phụ lục kết quả thực hiện các chỉ tiêu năm 2022 kèm theo).*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Khru Doãn Huân**

**PHỤ LỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KTXH, QPAN NĂM 2022***(kèm theo Báo cáo số 334/BC-UBND, ngày 20/12/2022)*

| STT      | Chi tiêu  | ĐVT        | Năm 2022         |                       | So sánh %<br>Thực hiện<br>2022/KH<br>2022 |
|----------|---|------------|------------------|-----------------------|---|
|          |   |            | Kế hoạch<br>2022 | Thực hiện<br>năm 2022 |   |
| <b>A</b> | <b>CHỈ TIÊU KINH TẾ</b>                               |            |                  |                       |   |
|          | Thu ngân sách   | Triệu đồng | 5.278,00         | 9.508,00              | 180,14                                    |
|          | Chi ngân sách   | Triệu đồng | 5.278,00         | 9.508,00              | 180,14                                    |
|          | Thu nhập bình quân đầu người                          | Triệu đồng | 46,00            | 52,00                 | 113,04                                    |
| <b>B</b> | <b>CHỈ TIÊU SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP</b>                  |            |                  |                       |   |
|          | Tổng diện tích gieo trồng                             | ha         | 400,00           | 400,00                | 100,00                                    |
|          | Sản lượng lương thực                                  | tấn        | 1.030,00         | 1.130,00              | 109,71                                    |
| <b>I</b> | <b>VỤ ĐÔNG XUÂN 2021-2022</b>                         |            |                  |                       |   |
|          | Tổng diện tích gieo trồng                             | ha         | 267,00           | 237,00                | 88,76                                     |
|          | Sản lượng lương thực                                  | tấn        | 560,00           | 565,00                | 100,89                                    |
| 1        | Cây lương thực có hạt                                 | ha         |                  |                       |   |
| 1.1      | Lúa   |            |                  |                       |   |
|          | Diện tích   | ha         | 70,00            | 70,00                 | 100,00                                    |
|          | Năng suất   | tạ/ha      | 65,00            | 65,00                 | 100,00                                    |
|          | Sản lượng   | tấn        | 455,00           | 455,00                | 100,00                                    |
| 1.2      | Ngô   |            |                  |                       |   |
|          | Diện tích   | ha         | 22,00            | 22,00                 | 100,00                                    |
|          | Năng suất   | Tạ/ha      | 48,00            | 50,00                 | 104,17                                    |
|          | Sản lượng   | tấn        | 105,60           | 110,00                | 104,17                                    |
| 2        | Cây tinh bột có củ (cây mì)                           | ha         |                  |                       |   |
|          | Diện tích   | ha         | 60,00            | 30,00                 | 50,00                                     |
|          | Năng suất   | tạ/ha      | 260,00           | 260,00                | 100,00                                    |
|          | Sản lượng   | tấn        | 1.560,00         | 780,00                | 50,00                                     |
| 3        | Cây thực phẩm   | ha         | 15,00            | 15,00                 | 100,00                                    |
| 3.1      | Đậu các loại  |            |                  |                       |   |
|          | Diện tích   | ha         | 5,00             | 5,00                  | 100,00                                    |
|          | Năng suất   | tạ/ha      | 9,00             | 9,00                  | 100,00                                    |
|          | Sản lượng   | tấn        | 4,50             | 4,50                  | 100,00                                    |
| 3.2      | Rau các loại  |            |                  |                       |   |
|          | Diện tích   | ha         | 10,00            | 10,00                 | 100,00                                    |
|          | Năng suất   | tạ/ha      | 215,00           | 215,00                | 100,00                                    |
|          | Sản lượng   | tấn        | 215,00           | 215,00                | 100,00                                    |
| 4        | Cây công nghiệp ngắn ngày                             | ha         | 0,00             | 0,00                  |   |
| 4.1      | Mía tổng số   | ha         | 0,00             | 0,00                  |   |
|          | Trong đó: Mía trồng mới                               | ha         | 0,00             | 0,00                  |   |
| 4.2      | Cây lạc   |            |                  |                       |   |
|          | Diện tích   | ha         | 0,00             | 0,00                  |   |
|          | Năng suất   | tạ/ha      | 0,00             |                       |   |
|          | Sản lượng   | tấn        | 0,00             |                       |   |
| 5        | Cây hàng năm khác (ớt, hoa cây cảnh, cỏ chăn nuôi...) | ha         | 50,00            | 50,00                 | 100,00                                    |
| 6        | Cây ăn quả, cây dược liệu                             | ha         | 50,00            | 50,00                 | 100,00                                    |

| STT        | Chỉ tiêu  | ĐVT   | Năm 2022         |                       | So sánh %<br>Thực hiện<br>2022/KH<br>2022 |
|------------|---|-------|------------------|-----------------------|---|
|            |   |       | Kế hoạch<br>2022 | Thực hiện<br>năm 2022 |   |
| <b>II</b>  | <b>VỤ MÙA 2022</b>                                      |       |                  |                       |   |
|            | Tổng diện tích gieo trồng                               | ha    | 133,00           | 163,00                | 122,56                                    |
|            | Sản lượng lương thực                                    | tấn   | 441,00           | 565,00                | 128,12                                    |
| 1          | Cây lương thực  | ha    | 70,00            |                       | 0,00                                      |
| 1.1        | Lúa tổng số   |       |                  |                       |   |
|            | Diện tích   | ha    | 70,00            | 100,00                | 142,86                                    |
|            | Năng suất   | tạ/ha | 63,00            | 60,00                 | 95,24                                     |
|            | Sản lượng   | tấn   | 441,00           | 565,00                | 128,12                                    |
| a)         | Lúa 2 vụ  |       |                  |                       |   |
|            | Diện tích   | ha    | 70,00            | 70,00                 | 100,00                                    |
|            | Năng suất   | tạ/ha | 63,00            | 56,50                 | 89,68                                     |
|            | Sản lượng   | tấn   | 441,00           | 395,50                | 89,68                                     |
| b)         | Lúa 1 vụ  |       |                  |                       |   |
|            | Diện tích   | ha    |                  | 30,00                 |   |
|            | Năng suất   | tạ/ha |                  | 56,50                 |   |
|            | Sản lượng   | tấn   |                  | 169,50                |   |
| 1.2        | Ngô   |       | 0,00             | 0,00                  |   |
|            | Diện tích   | ha    |                  |                       |   |
|            | Năng suất   | tạ/ha |                  |                       |   |
|            | Sản lượng   | tấn   |                  |                       |   |
| 2          | Cây tinh bột có củ (cây mì)                             | ha    | 0,00             | 0,00                  |   |
|            | Diện tích   | ha    |                  |                       |   |
|            | Năng suất   | tạ/ha |                  |                       |   |
|            | Sản lượng   | tấn   |                  |                       |   |
| 3          | Cây thực phẩm   | ha    | 10,00            | 10,00                 | 100,00                                    |
|            | Trong đó: Rau các loại                                  |       |                  |                       |   |
|            | Diện tích   | ha    | 10,00            | 10,00                 | 100,00                                    |
|            | Năng suất   | tạ/ha | 215,00           | 215,00                | 100,00                                    |
|            | Sản lượng   | tấn   | 215,00           | 215,00                | 100,00                                    |
| 4          | Cây công nghiệp ngắn ngày                               | ha    | 0,00             | 0,00                  |   |
| 5          | Cây hàng năm khác (ớt, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)  | ha    | 53,00            | 53,00                 | 100,00                                    |
| 6          | Cây ăn quả, cây dược liệu                               | ha    | 0,00             | 0,00                  |   |
| <b>III</b> | <b>CHĂN NUÔI</b>  |       |                  |                       |   |
|            | Đàn trâu tổng số  | Con   | 24,00            | 30,00                 | 125,00                                    |
|            | Đàn bò tổng số  | Con   | 1.690,00         | 1.755,00              | 103,85                                    |
|            | Tỷ lệ bò lai  | %     | 92,00            | 93,00                 |   |
|            | Đàn heo tổng số   | Con   | 1.550,00         | 3.540,00              | 228,39                                    |
| <b>C</b>   | <b>DÂN SỐ</b>   |       |                  |                       |   |
|            | Dân số trung bình                                       | Người | 4364             | 4416                  | 101,19                                    |
|            | Tỷ lệ tăng dân số                                       | %     | 0,09             | 1,17                  |   |
|            | Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên                              | %     | 0,86             | 0,85                  |   |
|            | Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi | %     | 17,00            | 17,33                 |   |



| STT      | Chỉ tiêu   | ĐVT | Năm 2022         |                       | So sánh %<br>Thực hiện<br>2022/KH<br>2022 |
|----------|--|-----|------------------|-----------------------|---|
|          |  |     | Kế hoạch<br>2022 | Thực hiện<br>năm 2022 |   |
|          | Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng | %   | 97,07            | 100,00                |   |
| <b>D</b> | <b>VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>  |     |                  |                       |   |
|          | Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa 85%, giữ vững 100% thôn, làng cơ quan văn hóa     | %   | 85,00            | 83,00                 |   |
|          | Tỷ lệ hộ nghèo   | %   | 3,01             | 2,70                  |   |
|          | Tỷ lệ lao động qua đào tạo   | %   | 65,26            | 75,05                 |   |
|          | Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế   | %   | 97,52            | 98,05                 |   |
|          | Tổng số học sinh các cấp   | HS  | 872,00           | 863,00                | 98,97                                     |
|          | - Mẫu giáo, mầm non  | HS  | 147,00           | 121,00                | 82,31                                     |
|          | - Tiểu học   | HS  | 400,00           | 443,00                | 110,75                                    |
|          | - Trung học cơ sở  | HS  | 325,00           | 299,00                | 92,00                                     |
|          | Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học   | %   | >98              | 98,6                  |   |
|          | Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình tiểu học  | %   | 100              | 100                   |   |
|          | Tỷ lệ học sinh THCS lên lớp  | %   | 98               | 97,7                  |   |
|          | Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS   | %   | 100              | 100                   |   |
| <b>E</b> | <b>LĨNH VỰC NỘI CHÍNH</b>  |     |                  |                       |   |
|          | Giao quân  | %   | 100,00           | 100,00                |   |